

THÔNG BÁO

Về ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào Đại học chính quy năm 2026 tại Phân hiệu (TLS)

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 2 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1961/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật năm 2026;

Căn cứ vào Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Thủy lợi;

Căn cứ vào nội dung họp hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủy lợi năm 2026 vào ngày 07 tháng 7 năm 2026;

Trường Đại học Thủy lợi thông báo ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào Đại học chính quy năm 2026 tại Phân hiệu trường Đại học Thủy lợi (TLS) như sau:

I. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào

PT1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

PT2: Xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT và các điều kiện ưu tiên.

TT	Mã tuyển sinh	Ngành/Chương trình	Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào		Ghi chú
			PT1	PT2	
1	TLS108	Kỹ thuật thủy lợi thông minh	15.00	17.50	
2	TLS101	Xây dựng và quản lý công trình thủy (Kỹ thuật xây dựng công trình thủy)	15.00	17.50	
3	TLS104	Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng)	15.00	17.50	
4	TLS113	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	15.00	17.50	
5	TLS115	Xây dựng và quản lý đô thị thông minh	15.00	17.50	
6	TLS111	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	15.00	17.50	
7	TLS114	Quản lý xây dựng	15.00	17.50	
8	TLS102	Kỹ thuật tài nguyên nước	15.00	17.50	

TT	Mã tuyển sinh	Ngành/Chương trình	Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào		Ghi chú
			PT1	PT2	
9	TLS107	Kỹ thuật cấp thoát nước	15.00	17.50	
10	TLS106	Công nghệ thông tin	15.00	17.50	
11	TLS126	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	15.00	17.50	
12	TLS404	Kinh tế xây dựng	15.00	17.50	
13	TLS407	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	15.00	17.50	
14	TLS405	Thương mại điện tử	15.00	17.50	
15	TLS402	Quản trị kinh doanh	15.00	17.50	
16	TLS403	Kế toán	15.00	17.50	
17	TLS412	Chương trình Công nghệ tài chính	15.00	17.50	
18	TLS301	Luật	20.00	23.40	Điểm Ngữ văn ≥ 6.00 hoặc Điểm Toán + Ngữ văn ≥ 12.00
19	TLS302	Luật kinh tế	20.00	23.40	
20	TLS203	Ngôn ngữ Anh	15.00	17.50	

Ghi chú:

- Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào là tổng điểm xét tuyển đã bao gồm điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển, điểm cộng, điểm ưu tiên khu vực, đối tượng;
- Riêng 2 ngành Luật và Luật kinh tế, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào từ điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 của tất cả các tổ hợp gồm 3 bài thi/môn thi theo thang điểm 30 (không nhân hệ số), không tính điểm cộng, không phân biệt kết quả thi của thí sinh học chương trình 2006 và 2018 là 20,0 điểm;
- Thí sinh cần bảo đảm điều kiện nguồn tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. Bảng quy đổi điểm

Bảng quy đổi tương đương giữa phương thức xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT và các điều kiện ưu tiên với phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026:

Khoảng điểm	Phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (phương thức gốc)	Phương thức xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT và các điều kiện ưu tiên
Khoảng 1	15.00 - 16.00	17.50 - 19.00
Khoảng 2	16.00 - 17.50	19.00 - 21.00
Khoảng 3	17.50 - 19.50	21.00 - 23.00
Khoảng 4	19.50 - 24.50	23.00 - 27.00
Khoảng 5	24.50 - 26.00	27.00 - 30.00

Công thức quy đổi điểm:

$$y = a + \frac{x - c}{d - c}(b - a)$$

Trong đó:

- y là điểm quy đổi từ từ phương thức cần quy đổi sang phương thức gốc;
- x là điểm xét của phương thức cần quy đổi;
- a là điểm bắt đầu của khoảng điểm theo phương thức gốc;
- b là điểm kết thúc của khoảng điểm theo phương thức gốc;
- c là điểm bắt đầu của khoảng điểm phương thức cần quy đổi;
- d là điểm kết thúc của khoảng điểm phương thức cần quy đổi.

III. Thông tin liên lạc

- Phòng Truyền thông và Công tác sinh viên, Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi, Địa chỉ: Số 11 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh, SĐT: 0283.512.3198 – 0916.769.708, email: truyenthongtls@tlu.edu.vn
- Website: <http://www.tlus.edu.vn>; Fanpage: <https://www.facebook.com/phanhieuthuyloi/>

Nơi nhận:

- ĐU, BGH, HĐT;
- Website trường;
- Lưu: VT, PĐT (HT.5b).



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Trung Việt



Phụ lục 1

Điểm quy đổi giữa phương thức xét kết quả học tập THPT và các điều kiện ưu tiên với phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Điểm xét kết hợp	Điểm thi THPT
17.50	15.00
17.60	15.07
17.70	15.13
17.80	15.20
17.90	15.27
18.00	15.33
18.10	15.40
18.20	15.47
18.30	15.53
18.40	15.60
18.50	15.67
18.60	15.73
18.70	15.80
18.80	15.87
18.90	15.93
19.00	16.00
19.10	16.08
19.20	16.15
19.30	16.23
19.40	16.30
19.50	16.38
19.60	16.45
19.70	16.53
19.80	16.60
19.90	16.68
20.00	16.75
20.10	16.83
20.20	16.90
20.30	16.98
20.40	17.05
20.50	17.13
20.60	17.20
20.70	17.28
20.80	17.35
20.90	17.43

Điểm xét kết hợp	Điểm thi THPT
21.00	17.50
21.10	17.60
21.20	17.70
21.30	17.80
21.40	17.90
21.50	18.00
21.60	18.10
21.70	18.20
21.80	18.30
21.90	18.40
22.00	18.50
22.10	18.60
22.20	18.70
22.30	18.80
22.40	18.90
22.50	19.00
22.60	19.10
22.70	19.20
22.80	19.30
22.90	19.40
23.00	19.50
23.10	19.63
23.20	19.75
23.30	19.88
23.40	20.00
23.50	20.13
23.60	20.25
23.70	20.38
23.80	20.50
23.90	20.63
24.00	20.75
24.10	20.88
24.20	21.00
24.30	21.13
24.40	21.25

Điểm xét kết hợp	Điểm thi THPT
24.50	21.38
24.60	21.50
24.70	21.63
24.80	21.75
24.90	21.88
25.00	22.00
25.10	22.13
25.20	22.25
25.30	22.38
25.40	22.50
25.50	22.63
25.60	22.75
25.70	22.88
25.80	23.00
25.90	23.13
26.00	23.25
26.10	23.38
26.20	23.50
26.30	23.63
26.40	23.75
26.50	23.88
26.60	24.00
26.70	24.13
26.80	24.25
26.90	24.38
27.00	24.50
27.10	24.55
27.20	24.60
27.30	24.65
27.40	24.70
27.50	24.75
27.60	24.80
27.70	24.85
27.80	24.90
27.90	24.95

Điểm xét kết hợp	Điểm xét kết hợp
28.00	25.00
28.10	25.05
28.20	25.10
28.30	25.15
28.40	25.20
28.50	25.25
28.60	25.30
28.70	25.35
28.80	25.40
28.90	25.45
29.00	25.50
29.10	25.55
29.20	25.60
29.30	25.65
29.40	25.70
29.50	25.75
29.60	25.80
29.70	25.85
29.80	25.90
29.90	25.95
30.00	26.00

TRƯỜNG